| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **41**/2018/DS-ST
Ngày: 19-11-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T_nđ, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp PH, xã ĐT, huyện An Biên, Kiên Giang. (có mặt)

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn K_bđ, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp MH, xã ĐH, An Minh, Kiên Giang. (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 28-3-2018, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông T_nđ trình bày và yêu cầu như sau:*

Kể từ ngày 16-02-2013 ông K_bđ mua phân bón, vật tư nông nghiệp của ông

T_nđ và nợ số tiền gốc 23.369.000đ. Khi mua có thỏa thuận lãi chậm trả là 2%/tháng. Tháng 8-2016, ông T_nđ có gởi đơn tại Ban lãnh đạo ấp MH để hòa giải thì ông K_bđ thừa nhận nợ và cam kết trả nhưng sau đó không trả.

Ông T_nđ khởi kiện yêu cầu ông K_bđ trả số tiền mua bán gốc 23.369.000đ và tiền lãi 28.487.000đ, tổng cộng bằng 51.856.000đ. Tại phiên tòa ông T_nđ thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông K_bđ trả tổng số 40.000.000đ, trong đó gốc 23.369.000đ, lãi là 16.631.000đ.

*Bị đơn ông K_bđ trình bày*.thừa nhận có mua phân bón, vật tư nông nghiệp của ông T_nđ và đến ngày 16-02-2013 còn nợ tiền gốc là 23.369.000đ. Khi mua bán các bên có thỏa thuận lãi chậm trả là 2%/tháng. Ông K_bđ đồng ý trả số tiền gốc và tiền lãi như hòa giải ở ấp Minh Hòa bằng 35.000.000đ và xin trả dần.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

- Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt các phiên họp và phiên tòa lần 1 nên chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông K_bđ thừa nhận nợ và đồng ý trả nên đủ cơ sở xác định bị đơn có thiếu số tiền 23.369.000đ; về tiền lãi ông T_nđ yêu cầu trả số tiền lãi thấp hơn quy định của pháp luật. Do các bên không thỏa thuận được nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ nên quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T_nđ thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu ông K_bđ trả vốn và lãi bằng 40.000.000đ. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là giảm so với yêu cầu ban đầu và có lợi cho phía bị đơn nên HĐXX căn cứ

khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn ông T_nđ.

[3] Nguyên đơn ông T_nđ trình bày và được bị đơn ông K_bđ thừa nhận, vụ mùa 2013 ông K_bđ mua phân bón, vật tư nông nghiệp của ông và đến ngày 16-02-2013 còn nợ tiền gốc là 23.369.000đ, khi mua bán có thỏa thuận lãi chậm trả là 2%/tháng; từ khi mua đến nay ông K_bđ chưa trả tiền cho ông T_nđ. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, nguyên đơn không phải chứng minh về việc bị đơn còn nợ số tiền mua phân bón, vật tư nông nghiệp gốc là 23.369.000đ.

[4] Xét về tiền lãi bên mua phải trả, ông T_nđ trình bày được ông K_bđ thừa nhận khi mua bán có thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2%/tháng, mức lãi thỏa thuận này đã vượt quá quy định nên cần điều chỉnh lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn ông T_nđ chỉ yêu cầu ông K_bđ trả tiền lãi là 16.631.000đ là thấp hơn số tiền lãi mà ông K_bđ phải trả theo mức lãi do pháp luật quy định. Do đó, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của ông T_nđ.

[5] Ông K_bđ là bên mua nhưng không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ của bên mua theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 (Bộ luật có hiệu lực điều chỉnh tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng). Do đó, ông T_nđ khởi kiện yêu cầu ông K_bđ trả tiền gốc và lãi là có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu. Theo đó HĐXX buộc ông K_bđ trả cho ông T_nđ tổng số tiền là 40.000.000đ (gồm gốc 23.369.000đ, tiền lãi chậm trả 16.631.000đ).

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

+ Bị đơn ông K_bđ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 40.000.000đ x 5% = 2.000.000đ;

+ Nguyên đơn không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 244, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1**- Buộc ông Nguyễn Văn K_bđ trả cho ông Nguyễn Văn T_nđ số tiền là 40.000.000đ (gồm tiền gốc 23.369.000đ, tiền lãi chậm trả 16.631.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T_nđ nếu ông K_bđ không trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi cho ông T_nđ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2-** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Nguyễn Văn K_bđ chịu 2.000.000đ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T_nđ đươc nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.296.400đ tại biên lai số 0008764 ngày 31-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

**3**- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-11-2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**